TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/DS-ST

Ngày: 20 - 5 - 2022

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Thụy.

2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh A tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số số 45/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022; và quyết định Hoãn phiên tòa số 115/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị T, sinh năm 1947;

Địa chỉ: Số 5/3 Thủ Khoa Nghĩa, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh A;

Địa chỉ liên hệ: 197 Sư Vạn Hạnh, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh A;

2 Bị đơn:

2.1 Ông Phạm Hồng H, sinh năm 1970;

2.2 Bà Nguyễn Thị Kiều V, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: 10/3A, Ngô Quyền, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh A;

(Bà T có mặt, ông H và bà V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Thị T trình bày:

Bà Dương Thị T và ông Phạm Hồng H và bà Nguyễn Thị Kiều V quen biết nhau do ông H và bà V thuê nhà bà T mở tiệm tóc. Ngày 15/12/2013 bà T cho vợ chồng ông H, bà V vay 5.000.000đ. Tuy hai bên không làm giấy tờ nhưng thỏa thuận lãi suất cho vay là 5%/tháng. Ngày 25/02/2014 bà Thu cho vay tiếp 15.000.000 đồng. Ông H, bà V và viết sẵn biên nhận nợ có chữ ký của hai vợ chồng giao bà T giữ. Số tiền trong biên nhận là 20.000.000đ, lãi suất 5%/tháng thời gian vay không xác định nhưng khi nào khi nào bà T muốn lấy lại vốn thì báo trước 45 ngày. Sau khi nhận tiền, ông H, bà V không đóng lãi, không trả vốn mà bỏ đi khỏi địa phương đến tháng 3/2015 vợ chồng H, V trở về sau đó thỏa thuận trả dần vốn lãi cho bà T. Tính tới tháng 7/2016, vợ chồng H, V trả lãi được tổng cộng 7.000.000 đồng.

Từ tháng 8/2016 đến tháng 11/2019 bà T đồng ý cho vợ chồng H, V trả dần vốn, số lãi 22.000.000đ khoanh nợ lại sau khi trả vốn xong sẽ trả tiếp nợ lãi. Cụ thể:

Tháng 8/2016 đến 12/2017 trả gốc 5.200.000đ.

Năm 2018 trả gốc 3.400.000đ.

Năm 2019 (tháng 11/2019) trả gốc được 4.000.000đ.

Tính tới tháng 12/2019 vợ chồng H, V còn nợ bà T 7.400.000đ nợ gốc và nợ lãi trước đây là 22.000.000đ.

Bà T yêu cầu tòa án buộc vợ chồng ông H và bà V có trách nhiệm trả cho bà T số tiền vốn gốc là 7.400.000đ cùng lãi suất theo quy định pháp luật từ tháng 12/2019 đến đến khi xét xử. Bà T đồng ý khấu trừ lãi đã nhận vào lãi vay nếu số tiền lãi đã nhận vượt quá số tiền lãi quy định của pháp luật. Bà T rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 22.000.000đ.

* Bị đơn ông Phạm Hồng H và bà Nguyễn Thị Kiều V không gửi văn bản trình bày ý kiến.

* Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án: Nguyên đơn bà Dương Thị T có đơn xin vắng mặt; Bị đơn ông Phạm Hồng H và bà Nguyễn Thị Kiều V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 471, Điều 474 bộ luật dân sự năm 2005; Điều 217, Điều 244 bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi 22.000.000 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Phạm Hồng H và bà Nguyễn Thị Kiều V số tiền 7.400.000 đồng và tiền lãi theo quy định. pháp luật từ tháng 12/2019 đến ngày xét xử đồng thời khấu trừ tiền lãi đã nhận vượt quá quy định pháp luật đối với số tiền 7.000.000 đồng trừ vào vốn gốc (nếu có).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **V*ề tố tụng:***

Tranh chấp giữa bà Dương Thị T và ông Phạm Hồng H và bà Nguyễn Thị Kiều V là tranh chấp về hợp đồng dân sự; Bị đơn ông Phạm Hồng H và bà Nguyễn Thị Kiều V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 10/3A, Ngô Quyền, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh A. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L.

[2] ***Về nội dung:***

Nguyên đơn bà Dương Thị T căn cứ vào biên nhận nợ ngày 25/4/2004 để khởi kiện yêu cầu ông Phạm Hồng H và bà Nguyễn Thị Kiều V trả số tiền vay còn nợ lại là 7.400.000đ. Trên biên nhận có chữ ký, chữ viết của ông H và bà V.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều V trình bày tại biên bản ngày 19/01/2021 của Văn phòng khóm B phường M, thành phố L thừa nhận có vay của bà T số tiền 20.000.000đ, lãi suất cho vay là 5%/tháng thời gian qua vợ chồng bà đã góp cho bà T mỗi tháng 500.000 đồng/tháng và góp được 19.000.000đ nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch vay tài sản giữa các bên đã được xác lập trên sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên là giao dịch hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Sau khi vay, ông H và bà V đóng lãi từ tháng 02/2014 đến tháng 7/2016 được 7.000.000 đồng thì ngưng. Từ tháng 8/2016 đến tháng 11/2019, ông H và bà V bắt đầu trả gốc cho bà T. Tổng cộng số tiền gốc đã trả là 12.600.000đ. Hiện nay ông H, bà V còn nợ lại bà T số tiền vốn gốc là 7.400.000đồng. Việc ông H và bà V không tiếp tục thanh toán khi bà T có yêu cầu là vi phạm nghĩa vụ của bên vay.

Tại đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện, bà T chỉ yêu cầu ông H và bà V trả cho bà số tiền 7.400.000đ và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày tháng 12/2019 cho đến ngày xét xử. Hội đồng xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà T không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với điều 244 tố tụng dân sự nên có cơ sở để chấp nhận.

Ông H và bà V phải có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền 7.400.000đ và lãi theo quy định pháp luật từ tháng 12/2019 đến ngày xét xử là phù hợp với quy định tại các điền Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2]. Về lãi suất:

Hội đồng xét xử xét thấy, bà T đã trình bày sau khi vay, ông H và bà V đóng lãi cho bà T từ ngày 25/02/2014 đến ngày 6/8/2016 được 7.000.000đ. Tuy nhiên mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận là 5%/tháng (60%/năm) là vượt quá quy định so với mức lãi suất theo quy định tại Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên hội đồng xét xử xem xét điều chỉnh như sau:

Tiền Ngày 25/02/2014 đến ngày 6/8/2016 (893 ngày) với mức lãi suất là 13,5%/năm: 20.000.000đ X 13,5%/năm (893 ngày/365) = 6.605.753 đồng

Số tiền lãi nguyên đơn đã nhận vượt quá quy định được khấu trừ cụ thể:

7.000.000đ - 6.605.753đ = 394.247 đồng

Số tiền lãi bà T đã nhận sau khi khấu trừ còn thừa 394.247 đồng, sẽ được trừ vào vốn gốc cụ thể:

7.400.000đ - 394.247đ = 7.005.753 đồng

Nguyên đơn yêu cầu ông H, bà V trả lãi theo quy định pháp luật từ tháng 12/2019 đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm (20/05/2022), được tính như sau:

Từ ngày 01/12/2019 đến ngày xét xử 20/5/2022 (901 ngày) với mức lãi suất là 13,5%/năm: 7.005.753 đồng đồng X 13,5%/năm (901 ngày/365) = 2.334.643 đồng

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 471, Điều 474 bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 217, Điều 244 bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự.

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi 22.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T. Buộc ông Phạm Hồng H và bà Nguyễn Thị Kiều V có trách nhiệm trả cho bà Dương Thị T số tiền 9.340.396

đồng (Chín triệu ba trăm bốn mươi nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó vốn 7.005.753 đồng, lãi tạm tính đến ngày 20/5/2022 là 2.334.643 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí: Ông Phạm Hồng H và bà Nguyễn Thị Kiều V phải nộp 467.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo của các đương sự là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại chính quyền địa phương nơi cư trú.S

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND TP. Long Xuyên (2);
- Chi cục THADS TP.Long Xuyên (1);
- Các đương sự (2);
- Văn phòng (4);
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Minh Trang